

HIỂU ĐÚNG VỀ ĐẠO PHẬT



Cách đây mấy năm, thầy có tham gia một buổi hội thảo ở Đại học Sư phạm Hà Nội và đã trình bày một đề tài về Phật học liên hệ đến đối tượng giới trẻ là sinh viên, học sinh,... Đó là “Năm nguyên tắc sống lành mạnh”. Lúc đó, thầy nhận được một vài phản hồi của các vị tham dự, trong đó có một cụ giáo lớn tuổi. Cụ là một nhà nghiên cứu lớn, đã chia sẻ rằng, đây là lần đầu tiên cụ được nghe và nhận ra rằng: hóa ra đạo Phật là một lối sống lành mạnh chứ không phải là một tôn giáo, tín ngưỡng như lâu nay cụ hiểu. Điều đó làm cho cụ phải suy nghĩ lại, nhìn nhận lại cách đánh giá của mình về đạo Phật bấy lâu nay. Dựa trên chủ đề đó, thầy đã phát triển và hôm nay chúng ta chia sẻ với nhau về đề tài “Hiểu đúng về đạo Phật”.

Lâu nay người ta thường nhìn đạo Phật như một loại tín ngưỡng với các hình thức về cầu nguyện, lễ nghi, bái sám,... Nó tương tự như các tín ngưỡng khác ở Việt Nam, chẳng hạn đạo thờ mẫu hoặc các tín ngưỡng dân gian ở một số vùng miền khác nhau. Thứ hai, người ta xem đạo Phật như một tôn giáo để họ dựa vào. Đó là một chủ thể có người sáng lập, có hệ

thống giáo lý và có tổ chức giáo hội. Rất ít người biết rằng đạo Phật vào buổi ban sơ, không phải là tín ngưỡng, không phải là tôn giáo, cũng không phải là một phương pháp tu tập để hướng về tương lai theo lối câu nguyện, mong ước trong tương lai mình sẽ được một điều gì đó. Tất nhiên, đạo Phật cũng không phải là ngòi ăn năn, hối tiếc đối với quá khứ đã qua đi. Đạo Phật đầu tiên xuất hiện cùng thông điệp của đức Phật gửi đến mọi người: *“Cho ai có tai muốn nghe, ai có mắt muốn thấy, ai có trí được hiểu.”* Và đó là một lối sống lành mạnh ngay hiện tại. Khi thầy nói ra điều này, nó hoàn toàn dựa trên căn cứ của kinh điển, lịch sử, chứ không phải là thầy suy diễn ra.

Theo đánh giá chung của các nhà nghiên cứu, trong các nguồn kinh văn thuộc các truyền thừa Phật giáo trên thế giới hiện nay, độ khả tín cao nhất là tạng Pāli. Nó được so sánh với các bản dịch sang chữ Hán, nội dung thuộc về A-hàm (*āgama*), còn tiếng Pāli là Nikāya. “Nikāya” có nghĩa là được chọn lọc, được tuyển chọn, hoặc là một bộ sưu tập. Điều này khẳng định điều gì? Trong rất nhiều lời dạy của đức Phật, không phải tất cả đều được người ta đưa vào hoặc được kết tập lại hết, mà có chọn lọc. Ví dụ như trong ba tháng mùa mưa đầu tiên đức Phật lưu trú ở tại vườn Nai, nơi đức Phật gặp lại năm môn đệ cùng tu với mình trong Khổ Hạnh lâm là nhóm ngài Koṇḍañña (Kiều-Trần-Như), Ngài chỉ dạy có hai pháp

thoại. Pháp thoại đầu tiên sau này được đặt tên là kinh Chuyển Pháp Luân. Pháp thoại thứ hai là kinh Vô Ngã Tánh. Khi được ghi chép lại, nếu tính theo chữ Pāli thì bài kinh Chuyển Pháp Luân tương đối dài, khoảng chừng bốn trang giấy A4, kích cỡ chữ 13, font Times New Roman. Kinh Vô Ngã Tánh thì độ dài chỉ khoảng hơn một nửa bài Chuyển Pháp Luân. Trong khoảng thời gian ba tháng, đức Phật giảng nói như vậy là nhiều hay ít?

(Ở đây cần nói thêm: khi thầy nghiên cứu và dịch kinh Vô Ngã Tướng - *Lakkhana sutta*, thầy mới phát hiện ra, chữ “lakkhana” không phải là “tướng” mà là “tính chất”. Cho nên nếu dịch chính xác, đó là “Vô Ngã tánh”. Tánh Vô ngã ở trong hiện tượng sự thật. Mà quả thực, nội dung bài kinh nói về tánh chứ không nói tướng.)

Thực ra nhiều ít không quan trọng. Để cho người nghe có thể hiểu rõ và thực hành theo, có lẽ đức Phật không chỉ nói một lần. Trong câu chuyện kể về bài kinh đó có nói rằng, mỗi ngày, nếu ba vị đi khát thực, thì đức Phật sẽ giảng cho hai vị ở nhà, và cứ luân phiên như vậy cho những ngày tiếp theo. Với chỉ một nội dung, nhưng đức Phật giảng từ vị này sang vị khác và có lẽ không phải chỉ nghe một lần là họ đã hiểu. Chính vì vậy mà phải lặp đi lặp lại nhiều lần, đến khi nào họ hiểu ra. Nhưng khi ghi chép lại, người ta đã tuyển chọn, gạt bỏ những gì bị trùng lặp và chỉ

chọn ra cái cốt lõi của vấn đề. Cho nên được gọi là Nikāya. Thông điệp mà đức Phật đã chia sẻ với nhóm ngài Kiều-Trần-Như và sau này là những đệ tử khác nữa thì nó vẫn giữ một thông điệp cốt lõi như vậy đến suốt đời. Ngài đã lặp đi lặp lại trong một số bài kinh rằng: “*Như Lai xuất hiện ở đời chỉ với mục đích: chỉ ra các Sự thực về Khổ, Sự thực về nguyên nhân đưa đến Khổ, Sự thực thoát Khổ và Sự thực về con đường thoát Khổ.*” Cho nên chúng ta có thể tin rằng đây là thông điệp cốt lõi của Phật.

Thông điệp này có liên hệ gì đến tôn giáo không? Có liên hệ gì đến tổ chức giáo hội không? Không! Nó chỉ là vấn đề nếu mình hiểu, nhận thức mình thay đổi. Khi nhận thức thay đổi thì lối sống của mình sẽ thay đổi theo hướng tích cực, hướng thượng, hướng thiện và cao hơn nữa là buông bỏ những thứ trói buộc mình. Ai thấy ra như thế tức là *giác ngộ*. Và giác ngộ để làm gì? Giác ngộ là hướng đến giải thoát, sau khi thấy, hiểu và nhận ra sự thực đó. Khi giác ngộ sự thực rồi, ta sẽ thấy được những thứ không cần thiết, những ràng buộc, những phiền lụy, khổ đau để từ đó buông xuống hết.

Sau một thời gian dài tìm hiểu, thầy đã phát hiện và đúc kết ra được: **Có năm vấn đề mà người ta đang hiểu sai về bản chất của đạo Phật. Thứ nhất là giới cấm. Thứ hai là lễ nghi. Thứ ba là thiền. Thứ tư là khổ hạnh ép xác. Và thứ năm là các lý**

luận mang tính triết học, phân biện (phân tích, biện luận), thông qua các luận cứ khác nhau của từng bộ phái.

1. Hiểu lầm về giới cấm.

Giới cấm trong Phật giáo được gọi là giới luật. Trong bài kinh Phạm Võng, đức Phật đã trình bày tất cả các giới cấm xuất hiện ở Ấn Độ thời bấy giờ trong các truyền thống tôn giáo, tín ngưỡng khác nhau, trong đó có một số nội dung mà trong Phật giáo có. Ví dụ như năm giới: không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống các chất say, đều được đề cập đến. Sau khi trình bày tất cả những điều đó, đức Phật trình bày rõ ràng về con đường giác ngộ giải thoát. Cuối bài kinh, đức Phật kết luận thế này: *“Kẻ phạm phu thì tán thán giới đức của Như Lai, bậc hiền trí thì tán thán trí đức của Như Lai.”* Điều đó là sao? Chúng ta tạm gọi giới cấm là các nội dung để đem đến một hình thức bên ngoài được xã hội định danh là đức hạnh, đạo đức, luân lý, dù chưa biết bên trong thế nào. Nhưng đức Phật đã nói rõ như trên, phạm phu mới tán thán những điều đó của một vị giác ngộ. Còn người trí là người hiểu được Phật là gì, giải thoát giác ngộ là gì thì họ tán thán cái trí tuệ của Ngài.

Thêm một minh chứng nữa, trong Luật tạng của Theravāda nói rằng năm thứ mười ba (có một vài tài liệu lại cho rằng vào năm thứ mười hai) sau khi đức

Phật giác ngộ mới đặt ra giới luật. Trước đó có một vài vị cao đệ của Ngài đã thỉnh cầu Ngài thiết lập ra giới luật nhưng đức Phật từ chối vì chưa phải lúc. Học giới đầu tiên xuất hiện là khi có vị tỳ-khưu có hành vi không phù hợp, dẫn đến việc đức Phật đưa ra quy định: người xuất gia không được quan hệ nam nữ. Vậy thì kể từ khi đức Phật quyết định công bố nội dung mà Ngài giác ngộ cho những ai có tai muốn nghe, có mắt muốn thấy, có trí muốn hiểu và chia sẻ giáo pháp ấy suốt mười mấy năm trước đó, Ngài thu nhận rất nhiều đệ tử, tại sao Ngài không đặt ra điều cấm nào cả?

Sự kiện trên cho thấy đức Phật *không có chủ trương giới luật là nền tảng, là cốt lõi của Phật học, của Giáo pháp như những gì hậu thế nói!* Theo thầy, *giới* là các quy định dành cho cá nhân các vị xuất gia và *luật* là các quy định dành cho hội chúng xuất gia khi tiến hành các công việc chung của tăng. Quy định là sao? Ví dụ mọi người đi làm trong các công ty, mỗi công ty có nội quy, điều lệ riêng phải không? Nhân viên vào làm công ty đó đều phải tuân theo, như quy định về giờ giấc. Nếu quy định tám giờ sáng phải có mặt, ai đến trễ năm phút sẽ bị trừ lương. Hay quy định số ngày phép trong năm, mỗi năm nghỉ bao nhiêu ngày có lương, bao nhiêu ngày không lương, ai nghỉ nhiều quá có thể bị sa thải. Vậy một vị xuất gia thì họ phải chấp nhận những quy định mà người xuất gia

không nên, không phù hợp, không được phép làm. Nhưng một khi họ không còn là người xuất gia nữa, những điều đó không ràng buộc họ. Nếu không ràng buộc và không có tác dụng ước chế thì rõ ràng nó không phải là cốt lõi. Nó chỉ có giá trị nhất thời đối với người nào đang ở trong phạm vi đó thôi.

Giới luật được chia làm hai phần là: giới và luật. Giới là các quy định dành cho các vị xuất gia. Luật là các quy định dành cho tổ chức (saṅgha/hội chúng). Khi số lượng các đệ tử bắt đầu nhiều lên, đức Phật buộc phải chế định ra những quy chuẩn hoặc là những hướng dẫn cần phải có khi sinh hoạt tập thể. Ví dụ như khi bốn vị trở lên cùng sinh hoạt tu học, người ta gọi là một saṅgha hay tăng-già, tức hội chúng (cá nhân một vị không gọi là tăng mà gọi là tăng sĩ (thành viên của tăng). Nó chỉ là các quy định mà khi gia nhập Tăng đoàn thì cá nhân phải chấp nhận làm những gì phù hợp với vị thế người xuất gia về hình thức, lối sống như: ly dục, ly ác, bất thiện pháp và tinh cần tu tập để giác ngộ giải thoát. Cho nên những hành vi nào, những việc làm nào không phù hợp và đi ngược lại thì được xem như là điều không được phép làm. Đó là các quy định. Nhưng một khi họ trở lại đời sống thế tục thì không có gì ràng buộc họ hết. Nó có giá trị chừng đó thôi.

Ngày nay người ta không hiểu những điều đó. Một số thì đặt nặng và đề cao quá mức. Một số khác

thì cực đoan, sống buông thả, bất chấp những điều đã được quy định. Thậm chí người đời sau còn chế ra những điều để phá đi những cái trước. Ví dụ ở một số bộ phái phát triển sau này đã chế ra những điều như: tỳ-khuru thì phải có bao nhiêu giới phải giữ, nhưng khi họ thọ bồ-tát giới thì họ có thể làm những điều mà tỳ-khuru không được phép làm. Có phải là họ làm ngược lại không?

Khi mình hiểu được giá trị, mục đích của giới, luật có tác dụng tốt như thế nào và ở mức độ nào thì mình không nên quá đặt nặng cũng như không được xem thường nó. Một khi đã tham gia vào một tổ chức, mà mình không chấp hành, không thực hiện đúng quy định thì người ta sẽ sa thải mình, đó là điều chắc chắn. Như trường hợp một vị xuất gia làm những điều mà xã hội không chấp nhận thì sẽ bị xã hội phản ánh, chê trách. Hai ba chục năm trước, ở Việt Nam, một vị sư hút thuốc không ai nói nặng nói nhẹ gì cả, vì đó là thói quen chung của xã hội thời bấy giờ. Nhưng bây giờ một vị tăng nhân ở những nơi công cộng hút thuốc thì người đời sẽ nhìn mình bằng ánh mắt khác, rồi có người sẽ lên tiếng phê phán, thậm chí là lên án. Một hành vi nhỏ thôi nhưng nó không phù hợp với văn hóa của thời đại thì cũng không nên làm. Như đức Phật cũng có đề cập trong tạng luật: *“Điều nào xã hội không chấp nhận thì xem như điều Như Lai cấm.”*

2. Hiểu lầm về lễ nghi.

Khi chúng ta hiểu đạo Phật là một lối sống lành mạnh thì khi đó các hình thức lễ nghi, cúng bái, cầu nguyện không còn thích hợp. Vì không hiểu được những gì đức Phật dạy, không hiểu nội dung, tác dụng các pháp thoại của Ngài để ứng dụng tu tập cho nên người ta chuyển sang hình thức lễ bái, cầu nguyện hoặc chế tác ra các loại nghi lễ khác nhau. Thậm chí còn phát triển nhằm thu hút quần chúng bằng cách kết hợp nó với pháp môn tu rồi quảng bá như một phương tiện diễu dụng với các danh xưng rất kêu.

Có câu chuyện ngụ ngôn như thế này: Một lần đức Phật với chư tỳ-khuru đi ngang qua sông Hằng, Ngài nhìn thấy có một đạo sĩ đứng bên bờ sông với thái độ thành kính. Đức Phật hỏi: “Thầy đang làm gì đấy?” Vị ấy trả lời: “Thưa ngài Sa-môn, tôi đang cầu nguyện.” “Thầy cầu nguyện để làm gì?” “Tôi cầu nguyện cho đến khi có khả năng bay qua bên kia sông. Phép tu của tôi là cầu nguyện.” Đức Phật bèn nói: “Nhu Lai thì không cần phải có thần lực để bay qua sông mà chỉ cần người đưa đò. Như Lai chỉ nhờ người lái đò chở Như Lai qua sông là xong. Không cần phải tốn công sức cầu nguyện năm này sang năm khác.” Cầu nguyện có thể qua sông được không? Có thể có một vài trường hợp nào đó đặc biệt. Cầu nguyện theo lối đạt đến nhất tâm, có được năng lực hỷ gọi là thượng thăng hỷ, làm cho mình bốc lên khỏi

chỗ này đến chỗ kia. Cái đó có nhưng không phổ cập, rất ít người làm được điều đó, cho nên điều đó xem như là một ngoại lệ. Đạo Phật không nằm trong các nghi lễ cầu cúng theo kiểu đó. Cái bây giờ chúng ta thấy chỉ là hình thức biến thể sau này để tồn tại do nhu cầu của số đông.

3. Hiểu lầm về thiền.

Vấn đề này khá nhạy cảm. Mọi người cần phải biết một sự thực là thiền không phải là sở hữu của Phật giáo. Thiền đã xuất hiện ở Ấn Độ trước đó với nhiều hình thức tu tập khác nhau. Nếu mọi người có đọc về lịch sử đức Phật thì chắc biết việc này. Giai đoạn đầu khi Ngài đi tầm đạo, Ngài từng đến thụ giáo với hai vị thầy xuất sắc nhất về thiền thời bấy giờ là đạo sĩ Ālāra Kālāma đã đắc đến tầng thứ ba (Vô sở hữu xứ của thiền Vô sắc giới) và đạo sĩ Uddaka Rāmaputta đã đắc tầng thứ tư (Phi tưởng phi phi tưởng xứ cũng của cõi Vô sắc). Đức Phật khi đến thụ giáo với hai vị đó, chỉ trong một thời gian rất ngắn đã đạt đến mức độ của hai vị thầy. Hai vị thầy đều hoan hỷ và ngỏ ý mời Ngài ở lại, cùng với họ hưởng dẫn đám môn đệ. Nhưng đây không phải là mục đích của Ngài nên Ngài đã từ giã hai vị ra đi. Điều Ngài tìm kiếm ở thiền là nghĩ nó có thể giúp Ngài giác ngộ, thấy ra gốc nguồn của khổ đau, phiền não để giải quyết. Nhưng hóa ra trong khi nhập thiền thì mọi sự có lắng xuống, yên tĩnh, rồi khi xả thiền thì cái tâm cũng vẫn phiền não, bao nhiêu vấn đề

lại khởi lên trong tâm. Khi thấy nó không giải quyết được vấn đề của mình, Ngài từ bỏ thiền và đi tìm phương pháp khác.

Rồi Ngài quay trở về với truyền thống từ xưa của người Ấn thời bấy giờ là khổ hạnh ép xác. Ở đây, chúng ta có hai vấn đề là thiền và khổ hạnh ép xác. Khi khổ hạnh ép xác đến cùng cực, sống dở chết dở, Ngài mới hiểu ra vấn đề. Mức độ khổ hạnh càng khốc liệt thì thể xác càng kiệt quệ nhưng tâm không sáng suốt hơn chút nào, không thấy ra được gì hết! Thậm chí còn có lúc suýt chết, nên Ngài quyết định từ bỏ luôn. Bấy giờ Ngài xuống con sông gần đó tắm rửa sạch sẽ, rồi lên bờ đi tới gốc cây đa ngồi suy ngẫm. Ngài hồi tưởng lại khi được sinh ra, bắt đầu biết sự đời cho đến giờ. Và trong khi hồi tưởng như vậy, Ngài chợt nhớ ra một ấn tượng rất lớn vào năm khoảng bảy, tám tuổi, lúc Ngài được theo cha đi dự lễ Hạ điền vào đầu mùa mưa. Đức Vua và các quan làm lễ cày ruộng, khởi đầu cho mùa vụ năm đó. Tất cả mọi người đều tham gia lễ hội, riêng Ngài không chung vui mà chỉ ngồi chơi dưới gốc cây. Trong khi ngồi một mình không có ai, có thể do được giáo dục, cũng có thể do khuynh hướng sống nội tâm nhiều hơn là hướng ngoại, cho nên Ngài ngồi hành thiền (theo cách mà người ta hay gọi) và đi vào Sơ thiền như nhiều sách về Phật giáo gọi. Nhưng mà thầy thì thầy hiểu khác. Với một đứa bé ở độ tuổi đó, dù không hướng ngoại thích đi chơi như những người khác và

là người hướng nội đi nữa, thì trẻ con vẫn thích vui chơi. Chỉ là khi ngồi một mình, Ngài chơi trò chơi nội tâm là theo dõi hơi thở. Ngài lặng lẽ theo dõi hơi thở, không mong cầu đạt được gì hết, mà chỉ trọn vẹn, hoàn toàn với hơi thở như vậy thôi. Rồi Ngài đi dần vào một trạng thái vắng lặng, tịch tịnh. Một trạng thái mà sau này Ngài diễn đạt là trạng thái buông bỏ tất cả mọi ác bất thiện pháp, không còn dục và hoàn toàn vắng lặng. Sau khi nhớ ra, Ngài chợt hiểu chỉ trong trạng thái đó mới giúp mình thấy rõ vấn đề đang tìm kiếm. Và khi đó, Ngài trực ngộ ra, đó là con đường mình cần đi. Sau khi nhận được bữa ăn của bà Sujātā cúng dường, Ngài thọ dụng xong, sức khỏe phục hồi, và ngay đêm đó, bằng cách đi sâu vào trạng thái an tịnh của tâm, Ngài từ từ vén mở bí mật của sinh tử, thấy rõ nguồn gốc của sống chết và khổ đau của mình cũng như của chúng sinh, giác ngộ toàn bộ Sự thực sinh tử, luân hồi.

Do vậy, rõ ràng thiền không phải là phương pháp đức Phật chọn hoặc là dạy cho môn đệ để đưa đến giác ngộ. Nhưng lại có rất nhiều pháp thoại đức Phật có nói về thiền, thậm chí chỉ dạy cho các môn đệ hành thiền thì đều có lý do. Vấn đề ở đây là, không phải pháp thoại nào cũng dạy chung cho đại chúng. Có khi nó chỉ dành cho một vài người hoặc chỉ phù hợp cho một cá nhân đang ở đó, lúc Ngài giảng dạy. Vào thời Phật giáo du hành, khi Tăng chúng chưa đông và chưa xây dựng chùa chiền, thầy trò cứ đi chỗ

này qua chỗ khác, từ Trung Ấn Độ đi lên Tây Bắc qua Đông Bắc, du hành liên tục qua mười mấy hai chục nước lớn nhỏ. Sau này khi bắt đầu có tín đồ, người hâm mộ đông, các cư sĩ có vị trí lớn trong xã hội như vua chúa, các nhà giàu có mới phát tâm cúng dường xây dựng và hình thành dần các tu viện. Thiền không phải là chủ trương đưa đến giác ngộ của đức Phật, nhưng khi Tăng chúng dần đông lên, do việc đi du hành và không phải làm việc gì như lao động chân tay hoặc lao động trí óc, những vị mới vào tu tâm còn lãng xãng, còn vọng động nhiều, cần có cách giúp họ ổn định tâm thì đức Phật khuyến khích họ hành thiền để thân tâm được thuần hóa theo thiện pháp. Trong tạng Luật ghi lại rất nhiều chuyện về việc này. Có nhiều vị đôi khi tâm tánh không được rèn luyện, khởi sinh nhiều chuyện lung tung như tìm cách lách luật, qua mặt,... nhiều chuyện hết sức ngây ngô. Chẳng hạn như khi đức Phật chế định ra điều học *không được lấy của người khác*, có vị hỏi, vậy thì quy định đó thế nào, phải nói rõ bởi có vị nghĩ rằng lấy bằng tay mới phạm nên lấy cái dù để khều, hay lấy chân móc thì không phạm!? Thời nào cũng có những con người như thế ấy! Họ không hiểu mục đích của việc giữ giới là cái gì nên tìm cách lách để đạt được ý đồ của mình. Vì thế khi Tăng đoàn đông dần lên, ngoài giảng pháp, thì thiền chính là một trong những phương pháp ổn định bước đầu với những người lãng xãng, không chịu tu tập mà cứ ngồi lê mách lẻo, nói chuyện trên trời

dưới đất, chuyện cây đa bên nước,... Đức Phật hay nói: “Này, đằng kia là ngôi nhà trống, kia là gốc cây, nọ là đồng rơm, tỳ-khuru, hành thiền đi.” Những người đó phải bắt tu, còn không nói, không nhắc nhở thì không chịu tu. Bây giờ xuất gia, nhập chúng rồi nhưng mà ý thức về xuất gia chưa nghiêm túc cho nên không tự tu học, khi đó đức Phật phải nói thôi.

Nhưng thiền có đưa đến giác ngộ hay không lại là chuyện khác. Giống như một đứa trẻ nhỏ, có một số kiến thức bình thường trong cuộc sống phải được người lớn chỉ bày, nhưng sau này lớn lên nó có thể không cần dùng đến. Thí dụ như mình nói: “Này con, đó là ổ điện, không được đưa tay vô, điện giật đó. Đó là lửa, không đưa tay vô, phỏng tay đó.” Không dạy nó sẽ không biết. Trẻ con thấy lạ nó cứ ào vào tìm hiểu, nó thử sờ nắm đụng chạm bất kỳ vật gì trong tầm tay và hậu quả là gì? Lấy cây kim chọc vô ổ cắm điện, phát nổ rồi mang họa. Sờ tay vào lửa thì phỏng tay. Nhảy xuống nước chơi thì chìm. Cho nên cha mẹ, người lớn phải dạy các em. Nhưng khi lớn rồi có cần dạy không? Cái đó là thường thức rồi, ai cũng biết rồi, không cần dạy nhưng người ta vẫn biết. Cũng vậy bước đầu, đối với những người có cái tâm chưa được rèn luyện, chưa đi vào nề nếp và chưa tự điều chỉnh thì những cái đó nhất thiết phải dạy. Cho nên mới có chuyện là có những bài kinh đức Phật vẫn dạy thiền. Nhưng không phải thiền đưa đến giác ngộ. Giác ngộ phải bằng trí tuệ.

4. Hiểu lầm về khổ hạnh ép xác.

Hiện nay trong đạo Phật vẫn đang tồn tại các hình thức đầu-đà - một loại khổ hạnh ép xác. Ở Ấn Độ thì nhiều lắm vì đó là truyền thống của họ. Người dân nước này rất tinh tấn, siêng năng về chuyện tu hành, mà khổ hạnh ép xác là một hình thức tu tập theo truyền thống của họ. Đức Phật có những môn đệ trước kia chưa đến với đạo Phật, đã hành trì khổ hạnh. Ví dụ như Ngài Mahā Kāssapa (Đại Ca-Diếp), trước khi đến với đạo Phật, vị đó đã tự hành trì các khổ hạnh. Khi giác ngộ rồi, đời sống vị đó vẫn theo thói quen như cũ. Thậm chí đức Phật từng kêu về và nói: “Này Ca-Diếp, năm nay ngươi đã lớn tuổi, đã già yếu rồi, nên xả bớt các hình thức khổ hạnh đó đi, về sống với Như Lai.” Nhưng ngài Đại Ca-Diếp từ chối: “Bạch đức Thế Tôn! Con quen vậy rồi, cho con được sống như vậy để còn làm gương cho thế hệ sau.”

Nhưng đức Phật thì không chủ trương điều này. Ngài nói *“Có hai cực đoan người tu nên tránh: một là lợi dưỡng, sống hưởng thụ; hai là khổ hạnh ép xác.”* Nhưng cả hai lối hành trì ấy, khổ hạnh và thiên, giờ đây lại được người ta ca tụng. Trong khi cốt lõi của Phật học là Bát Chánh đạo thì lại không hiểu hoặc hiểu sai. Cuối cùng bây giờ người ta chỉ chú trọng vào vấn đề hành thiền để mong được chứng quả này, chứng quả kia. Mục đích tu hành hầu hết đều hướng về sở đắc. Giác ngộ không phải để có sở đắc. Giác

ngộ là để thấy ra bản chất vấn đề, mà càng thấy người ta càng buông chứ không phải “để đắc”, không phải là chứng đạt các tầng thánh. Khi đạt được trình độ giác ngộ và buông bỏ (giải thoát) đến đâu, người đó sẽ tự biết, chứ không phải là mục đích để hướng đến. Nó không giống việc đi học để được cấp bằng, như học mấy năm lấy bằng cử nhân, sau đó học ít năm lấy bằng thạc sỹ, và học làm nghiên cứu một số năm nữa lấy bằng tiến sỹ. Đó là một lộ trình tích lũy kiến thức và bằng cấp song song với bản ngã ngày càng lớn! Còn một vị trước khi giác ngộ đôi khi không có gì hết, nhưng khi giác ngộ, tự nhiên một số vị lại có những năng lực đặc biệt. Cái đó là trong quá khứ họ đã từng hành trì rồi nhưng mà bị gián đoạn một thời gian không sử dụng, không phát huy, bây giờ đến khi họ cần sử dụng trở lại thì chúng xuất hiện. Nói theo ngôn ngữ công nghệ thông tin bây giờ là họ kết nối được với năng lực quá khứ. Và vị nào không quan tâm những thành tựu, những khả năng đặc biệt đó, họ chỉ hướng về việc thấy rõ vấn đề để hết phiền não, để buông ra thì vị đó có thể không có sở đắc gì về mặt công năng đặc dị hoặc thần thông. Thần thông của một vị Giác ngộ trong đạo Phật không phải do tu luyện mà có. Đức Phật có tu luyện gì đâu, nhưng khi Ngài chứng ngộ tất cả đều trọn vẹn. Thầy lấy ví dụ một người từng học đàn guitar hoặc học ngoại ngữ đến mức thuần thục rồi, nhưng ở trong môi trường không sử dụng, một thời gian họ không dùng, mọi

người tưởng họ không biết gì về ngoại ngữ hoặc nghệ thuật. Như một lúc nào đó gặp tình huống làm cho họ gợi nhớ lại chuyện đó, thấy cần sử dụng năng lực ấy, họ có thể hơi vấp vấp bước đầu nhưng sau đó chỉ cần một vài thao tác, một thời gian ngắn là họ có thể phục hồi lại khả năng. Các loại thần thông, các loại công năng đặc dị của vị Giác ngộ tự dung có được là do nguyên nhân này.

Bây giờ, một số người vẫn có các loại công năng đặc dị ấy, như trong trường hợp bị thôi miên chẳng hạn, khi đó xuất hiện những khả năng mà trước đó không có. Và thậm chí có người bị một tai nạn, sau đó xuất hiện một khả năng trước kia (trong kiếp này) chưa từng học hoặc biết qua. Cách đây mấy năm, thầy đọc một bài báo, ngay tại Đồng Nai, có một thanh niên bị tai nạn giao thông đưa vào trong bệnh viện. Người này bị chấn thương ở đầu hoặc não gì đó không rõ, đến khi phục hồi lại nói toàn giọng Bắc. Trong khi trên thực tế, người đó chưa bao giờ ra miền Bắc, không có bà con người Bắc, từ nhỏ đến lớn không sống trong khu phố có người Bắc để học giọng Bắc. Vậy mà lại nói toàn giọng Bắc không hà! Là sao? Cũng một tờ báo khác thầy đọc, cho biết bên Úc, một thanh niên Úc gặp tai nạn tương tự, người đó khi tỉnh dậy nói toàn tiếng Hoa, dù chưa bao giờ qua Trung Quốc hay học thứ tiếng này bao giờ. Người đó giao tiếp như một người Hoa thực sự mà không cần phải suy nghĩ gì. Cho nên chúng ta tin cái khả năng đó

mỗi người đều có nhưng thể nào chưa biết, khi mình giác ngộ và kết nối đúng mức tự nhiên nó xuất hiện. Nhưng đó cũng không phải là trọng tâm của đạo Phật.

5. Hiểu lầm về lý luận triết học, phân tích chia chẻ.

Trong các pháp thoại, đức Phật có nói đến những nhà lý luận thích “chia chẻ sợi tóc ra làm tư” như một ví dụ về loại người nặng về lý thuyết, mộng mơ, thiếu trải nghiệm thực tế. Tu học mà không dựa trên thực tế trải nghiệm, hành trì mà chỉ ngồi suy diễn, suy nghĩ, lý luận, thì đó là đối tượng đức Phật chê trách. Môn đệ của Ngài về đời sau lại khác. Thầy nói cái này hơi đụng chạm chút nhưng mà thực tế. Tại vì nguyên kinh tạng Nikāya và hai lần kết tập lời dạy của đức Phật đầu tiên (ba tháng sau khi đức Phật mất và một trăm năm sau đó) thì chưa có tạng thứ ba - Vi Diệu Pháp (Abhidhamma). Đến đời vua A-Dục, tạng này mới được đưa ra. Người ta sợ rằng không được chấp thuận cho nên mới xây dựng nên một câu chuyện lịch sử đằng sau rằng, đức Phật thuyết Abhidhamma trên cung trời Đao-Lợi, rồi Ngài Xá-Lợi-Phất đưa xuống thuyết lại cho dưới này nghe. Nếu thực sự đức Phật có thuyết thì hai lần kết tập trước phải có rồi, nhưng thực tế thì không. Hai lần trước chỉ có Dhamma (Kinh) và Vinaya (Luật). Tuy nhiên sự xuất hiện của Vi Diệu Pháp không phải không có tác dụng. Có một thực tế lịch sử là sau khi

đức Phật vắng bóng một thời gian, mấy trăm năm sau trong Bà-la-môn giáo, các truyền thống tín ngưỡng Ấn Độ dần xuất hiện các nhân tài kiệt xuất và hình thành nên sáu phái triết học. Khi những bộ phái đó ra đời, với những lý luận xuất sắc của họ, Phật giáo muốn tồn tại buộc phải có cách riêng của mình. Cho nên về mặt tồn tại lịch sử thì mình chấp nhận tác dụng của Vi Diệu Pháp về mặt lý luận là có, nhưng mà đó không phải là đạo Phật uyên nguyên ban đầu.

Ngay từ đầu, đức Phật đã giảng là tránh xa những lý luận về triết học. Ngài chỉ ngay vào thực tế đời sống khi thuyết giảng. Ngài hay ví dụ về những điều Ngài dạy *chỉ như nắm lá trong tay*. Tức là mang tính hữu ích, cần thiết, đúng thực tại chứ không phải là *toàn bộ lá trong rừng*. Lá trong rừng là ẩn dụ cho tất cả loại kiến thức trên đời này. Nhưng con đường thoát Khổ, nói cách khác là con đường đưa đến cuộc sống lành mạnh ngay hiện tại, thì chỉ là *nắm lá trong tay*, không quá nhiều nhưng đủ.

Nhiều chủ đề giáo pháp do đức Phật dạy bị người ta hiểu lệch lạc khi hệ thống hóa lại. Ví dụ như khi chúng ta vừa mới tiếp cận Phật học, luôn luôn được giới thiệu rằng đạo Phật dạy về giới - định - tuệ. Nhưng đức Phật không dạy về điều đó. Giới - định - tuệ là sản phẩm đời sau hệ thống hóa lại. Đức Phật chỉ dạy Bát Chánh đạo. Và người ta gán ghép giới - định - tuệ vào trong Bát Chánh đạo bằng cách đối sánh:

Chánh kiến, Chánh tư duy là tuệ; Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng là giới; Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định là định. Người ta bảo đó là một sơ đồ khái quát về đạo Phật. Là lòng thiết!

Trong kinh Chuyển Pháp Luân, bài pháp thoại đầu tiên đức Phật dạy rất rõ về Bát Chánh đạo. Nó không liên hệ, không nhắc gì đến giới - định - tuệ. Người ta còn gán ghép Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định liên hệ đến *định trong thiền định*. Sự thực không phải thế. Tinh tấn chỉ là siêng năng, cố gắng. Mình làm cái gì muốn đạt đến mục đích thì không thể làm biếng, không thể bỏ dở giữa chừng, mà phải hết sức, cho nên phải siêng năng chăm chỉ. Khi làm cái gì mình phải chú tâm vào, không chú tâm làm sao biết nó là cái gì để mình làm, cho nên phải có Chánh niệm. Chánh định là tâm không dao động, không lăng xăng mà nó phải hoàn toàn bình ổn, phẳng lặng, cố định. Một cái tâm ổn định trong cái nghĩa như vậy, bị người ta gán vào đó là *định của thiền*! Còn Chánh kiến, Chánh tư duy người ta nghĩ là tuệ. Ghép thì rất là hệ thống, hợp lý vô cùng, với những ai không hiểu vấn đề thì tin ngay. Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng thuộc về giới. Trong khi theo lịch sử ghi lại trong tạng Luật thì mười hai năm sau giới mới ra đời. Như vậy làm gì có chuyện đó! Đó là sản phẩm đời sau, làm người ta hiểu sai về đạo Phật. Cái đức Phật muốn dạy là Bát Chánh đạo. Trong những quyển sách thầy đã xuất bản đều nói rõ từng vấn đề này hết. Sau

này mọi người đọc sẽ hiểu rõ trong Bát Chánh đạo thì từng cái Chánh đó là gì.

Đạo Phật chú trọng đến thực tế mang tính lợi lạc cho mình, cho người và từ bỏ các ác bất thiện pháp, đưa đến giải thoát khổ đau. Cái đó mới đúng, còn những lý luận, những phân tích, chia chẻ nhằm mục đích mở mang tầm hiểu biết cho rộng ra, cho sâu sắc thêm, nó thực sự không cần thiết. Giống như đức Phật hay ví dụ một người đang bệnh khi đến gặp thầy thuốc, thầy thuốc chỉ cần xem các triệu chứng của người bệnh và cho đúng thuốc. Ông thầy thuốc không cần phải nói phân tích máu như thế nào, hoạt động của tim làm sao, hay giải bày hệ thống thần kinh hoạt động thế nào. Các kiến thức ấy vô ích đối với người đang đau khổ đau đớn vì bệnh. Thầy thuốc giỏi chỉ cần cho đúng thuốc là người ta lành bệnh. Những lý luận đó có nói ra thì bệnh nhân cũng chẳng hiểu gì và không cần thiết với họ. Cho nên cái giá trị của đạo Phật là chỉ ra được đau khổ ở đâu, nguyên nhân sinh Khổ và làm sao để thoát Khổ.

Hiểu về đạo Phật đúng mức là thực hiện lối sống lành mạnh ở ngay hiện tại chứ không phải hướng về tương lai xa xôi để cầu nguyện. Và đối với quá khứ, chuyện đã qua, dù có đẹp đẽ đến mấy, có ghê gớm mấy thì cũng không bao giờ trở lại. Bây giờ mình tiếc nuối là vô ích, ân hận về chuyện đã qua cũng là vô ích. Mình phải luôn luôn an trú thực tại đang có trước mắt mình đây. Thứ duy nhất mình có là giây phút này,

chút nữa nó qua đi là hết rồi. Mình có thay đổi tương lai theo hướng tích cực hay chẳng là do ở hiện tại này. Nếu mình thay đổi nhận thức này, thay đổi hành vi này thì cuộc sống mới thay đổi.

Như lúc đầu thầy nói, có năm nội dung mà bây giờ người ta hiểu sai về đạo Phật, đó là: xem nặng giới cấm, xem nặng thiền, xem nặng khổ hạnh, xem nặng lý luận phân tích về triết học và các lễ nghi. Trong khi đạo Phật đúng mức, thông điệp của đức Phật truyền đạt thì đạo Phật là một lối sống lành mạnh, thanh thoát.

Thiền trà Kosala, Sài Gòn, năm 2021